

WORKSHEET

Date: 31/05/2025.
FFs1 – Unit 13.



Teacher's feedbacks

Task 1: Look at the numbers, write **There is / **There are** and choose the words in the box to fill in the blanks.**

(Nhìn vào các số trong ảnh, điền **There is** / **There are** và chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống.)



shelves (kệ sách)

rug

pillows

bookcase

windows

chest of drawers (tủ ngăn kéo)

1. **There is** a **bookcase** next to the sofa.

2. _____ two _____ on the sofa.

3. _____ a lamp on the _____.

4. _____ a _____ on the floor.

5. _____ two _____ next to the windows.

6. _____ two _____ between the bookcase and two shelves.

Task 2: Look and write. (Nhìn và điền từ thích hợp.)

S _____



S _____



M _____



F _____



B _____



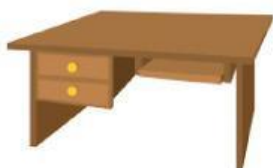
P _____



T _____



C _____



D _____



T _____



W _____



C _____



S _____



M _____



P _____



C _____



B _____



A _____

Task 3: Listen, find and write A or B. (Nghe, tìm và điền A hoặc B vào chỗ trống.)

**A****B**

Example:

1. There are two pictures on the wall. → **B**

1. **B** 2. 3. 4. 5. 6. 7.